TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Tự phúc**

Bản án số: 123/2018/DS-PT
Ngày: 17-8-2018
V/v Tranh chấp ranh đất
và bồi thường thiệt hại tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tư

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Ngừng

Ông Nguyễn Văn Trường

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Kim Ni – Thư ký của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long: Ông Nguyễn Văn Bé Tư - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 17 tháng 8 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 113/2018/TLPT-DS ngày 24 tháng 7 năm 2018 về việc: "Tranh chấp ranh đất và bồi thường thiệt hại tài sản".

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 18/2018/DS-ST ngày 29 tháng 3 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố Z, tỉnh B1 Long bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 206/2018/QĐ-PT ngày 01 tháng 8 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị A, sinh năm 1930 (chết).

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà A:

1.1 Bà Nguyễn Thị Mỹ A1, sinh năm 1967 (Vắng mặt).
Địa chỉ: Số nhà 13G, khóm X, phường Y, thành phố Z, tỉnh Vĩnh Long.

1.2 Bà Nguyễn Thị Mỹ A2, sinh năm 1959 (Vắng mặt).
Địa chỉ: Số nhà 83/20, khóm X1, phường Y, thành phố Z, tỉnh Vĩnh Long

1.3 Bà Nguyễn Thị Mỹ A3, sinh năm 1957 (Vắng mặt).

1.4 Bà Nguyễn Thị Mỹ A4, sinh năm 1956 (Vắng mặt).

1.5 Bà Nguyễn Thị Mỹ A5, sinh năm 1962 (Có mặt).

Cùng địa chỉ: Số nhà 19, khóm X, phường Y, thành phố Z, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện theo ủy quyền của bà A4, bà A3, bà A2, bà A1 có bà Nguyễn Thị Mỹ A5, sinh năm 1962. Địa chỉ: Số nhà 19, khóm X, phường Y, thành phố Z, tỉnh Vĩnh Long (Có mặt).

(Theo văn bản ủy quyền ngày 07/9/2017).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn có Luật sư Trần Hoàng T – Văn phòng luật sư Trần Bá T1 thuộc Đoàn luật sư tỉnh Vĩnh Long.

2. Bị đơn: Ông B, sinh năm 1953 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Số nhà 13, khóm X, phường Y, thành phố Z, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn có bà Lê Thị B1, sinh năm 1949. Địa chỉ: Số nhà 13, khóm X, phường Y, thành phố Z, tỉnh Vĩnh Long. Là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn (Có mặt).

(Theo văn bản ủy quyền ngày 13/4/2018).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1 Bà Lê Thị B1, sinh năm 1949 (Có mặt).

3.2 Anh Nguyễn Hoàng B2, sinh năm 1977 (Có mặt)

3.3 Chị Nguyễn Thu B3, sinh năm 1979 (Có mặt)

3.4 Chị Nguyễn Thu B4, sinh năm 1981 (Có mặt).

3.5 Anh Nguyễn Hoàng B5, sinh năm 1983 (Vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Số nhà 13, khóm X, phường Y, thành phố Z, tỉnh Vĩnh Long.

3.6 Ông Trần Văn K, Chủ DNTN xây dựng Khánh D (Vắng mặt).

Địa chỉ: Số nhà 12A, Nguyễn Gia T, phường Y, thành phố Z, tỉnh Vĩnh Long.

3.7 Bà Nguyễn Thị Mỹ A5, sinh năm 1962 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Số nhà 19, khóm X, phường Y, thành phố Z, tỉnh Vĩnh Long.

Do có kháng cáo của: Ông B – Là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***- Theo đơn khởi kiện ngày 27/02/2014 và các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn, người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn trình bày*:**

Nguyên đơn đứng tên thửa đất số 35, diện tích 168,5 m^2, loại thổ + vườn, liền kề với thửa 36, diện tích 706,8m^2 loại đất ở và trồng cây lâu năm do hộ ông B đứng tên. Trong quá trình sử dụng đến năm 2013 ông B cất nhà mới, khi đào móng đóng cừ đã làm ảnh hưởng đến nhà của nguyên đơn, làm nhà bị sụp lún. Bên cạnh đó phía ông B còn xây dựng hàng rào lấn qua phần đất của bà chiều ngang 02 tất, chiều dài 20cm với diện tích 2m^2. Nay bà A yêu cầu ông B trả lại phần đất lấn chiếm 2m^2 và yêu cầu bồi thường số tiền thiệt hại do ông B xây dựng nhà là 30.000.000đồng.

- Tại tờ tường trình ngày 11/4/2014 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông B trình bày:

Nguồn gốc phần đất tranh chấp là của ông bà để lại cho ông B. Giáp phần đất của ông là đất của bà A, sau đó bà A bán một phần đất cho người khác, do không có lối đi bên hông nên ông có cho bà A phần đất ngang 0,8m chiều dài là 19,9m, phía bà A đã xây dựng tường làm ranh và không cho sử dụng chung tường ranh nên ông phải xây dựng thêm hàng rào tường kế bên. Gia đình ông xây dựng nhà mới vào ở được 02 tháng thì tiếp tục làm sân và hàng rào sau đó thì phát sinh tranh chấp với bà A. Bà A cho rằng gia đình ông xây nhà làm sụp lún nhà bà A thì ông không đồng ý vì nếu trong lúc đang thi công xây dựng nhà nếu bà A xét thấy có thiệt hại thì bà A phải báo để ông B yêu cầu đơn vị thi công bồi thường, sau khi gia đình ông dọn vào ở thì bà A mới yêu cầu bồi thường nên ông không đồng ý. Nay ông B không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của bà A, không đồng ý trả phần đất diện tích 2m^2, không đồng ý bồi thường số tiền 30.000.000đồng.

- Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Hoàng B2, Nguyễn Thu B3, Nguyễn Thu B4, Nguyễn Hoàng B5, Nguyễn Văn K đã được Tòa án tống đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và các văn bản tố tụng của Tòa án theo quy định nên Tòa án tiến hành giải quyết vắng mặt các đương sự theo đúng quy định của pháp luật.

Tại bản án số 18/2018/DS-ST ngày 29/3/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Z, tỉnh Vĩnh Long đã quyết định: Áp dụng Điều 166, 170, 203 của Luật đất đai năm 2013; Điều 176, 584, 585, 589, 605, của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 91, 147, 157, 165 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 4 Điều 27 của Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử :

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, có người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn do bà Nguyễn Thị Mỹ A5 làm đại diện.

Buộc hộ ông B trả lại phần đất tranh chấp 2m^2 thuộc thửa 35, tờ bản đồ số 39 tọa lạc khóm X, phường Y, thành phố Z, tỉnh Vĩnh Long cho những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn do bà A5 làm đại diện.

Buộc ông B tháo dở và di dời vật kế trúc gắn liền trên đoạn số 4, 5 thuộc diện tích đất tranh chấp 2m^2 của thửa số 35, tờ bản đồ số 39, tọa lạc khóm X, phường Y, thành phố Z theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 09/3/2018.

Buộc ông B có trách nhiệm bồi thường thiệt hại tài sản cho những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn do bà A5 làm đại diện là 15.000.000đồng.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về chi phí khảo sát, đo đạc, chi phí thẩm định xây dựng; về án phí sơ thẩm và quyền kháng cáo của đương sự theo luật định.

Ngày 12 tháng 4 năm 2018, bị đơn B kháng cáo bản án sơ thẩm với nội dung: Ông B không đồng ý với bản án sơ thẩm về việc buộc ông B trả lại phần đất diện tích 2m^2 thuộc thửa 35, tờ bản đồ số 39, tọa lạc khóm X, phường Y, thành phố Z, tỉnh Vĩnh Long và bồi thường số tiền 15.000.000đồng cho những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn. Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm bác toàn bộ yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, không buộc ông B phải chịu án phí sơ thẩm và chi phí tố tụng khác.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện hợp pháp của bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo không đồng ý trả lại phần đất diện tích 2m^2 thuộc thửa 35, tờ bản đồ số 39, tọa lạc khóm X, phường Y, thành phố Z, tỉnh Vĩnh Long và bồi thường số tiền 15.000.000đồng cho những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn. Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn sửa án thẩm.

Người đại diện hợp pháp của những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người kế thừa quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn luật sư Trần Hoàng T đề nghị không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn, đề nghị giữ nguyên án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và người tham gia tố tụng: Tất cả đều tuân thủ đúng quy định của pháp luật từ khi thụ lý vụ án đến xét xử phúc thẩm.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị đơn, sửa bản án sơ thẩm: Buộc bị đơn trả lại giá trị 2m^2 đất thuộc thửa 35, tờ bản đồ số 39, tọa lạc khóm X, phường Y, thành phố Z, tỉnh Vĩnh Long đã lấn chiếm cho những người kế thừa quyền và nghĩa vụ nguyên đơn; Miễn án phí sơ thẩm cho những người kế thừa quyền và nghĩa vụ nguyên đơn, bị đơn; Miễn án phí phúc thẩm cho bị đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ngày 12/4/2018 bị đơn B kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn luật định. Nên đơn kháng cáo của bị đơn được xem xét theo thủ tục phúc thẩm theo quy định tại Điều 293 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn B không đồng ý trả phần đất diện tích 2m^2 cho bà Nguyễn Thị A. Hội đồng xét xử xét thấy: Bà Nguyễn Thị A đứng tên thửa đất số 35, tờ bản đồ số 39, diện tích 168.5m^2, loại đất thổ quả được Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long cấp ngày 27/6/2000; Hộ ông B đứng tên thửa đất số 36, tờ bản đồ số 39, diện tích 706,8m^2 loại đất ở và trồng cây lâu năm được Ủy ban nhân dân thành phố Z cấp ngày 28/3/2014.

Tại Công văn 120/PTNMT ngày 15/7/2014 của Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Z xác định phần đất trA chấp diện tích 2m^2 thuộc thửa 35 do bà A đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tại Công văn số 225/UBND-NC ngày 20/7/2015 của Ủy ban nhân dân thành phố Z và Công văn số 4301/UBND-NC ngày 16/12/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long xác định trình tự thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông B và bà A là đúng theo quy định. Do đó, có căn cứ cho rằng phần đất đang tranh chấp diện tích 2m^2 là thuộc thửa 35 do bà A đứng tên.

Xét hiện trạng trên phần đất tranh chấp có tài sản là hàng rào do ông B xây dựng. Khi ông B xây dựng hàng rào giáp ranh với hàng rào nguyên đơn phía nguyên đơn không tranh cản, đến khi xây dựng phần phía trong trên diện tích ông B xây thêm lên bị nghiên về phần đất nguyên đơn thuộc thửa 35 nên nguyên đơn mới khởi kiện yêu cầu bị đơn ông B tháo dở phần nghiên. Từ đó, cho thấy việc buộc bị đơn tháo dở hết hàng rào là chưa hợp lý mà nên cho bị đơn tiếp tục sử dụng diện tích 2m^2 thuộc thửa 35, đồng thời buộc bị đơn tháo dở phần diện tích nghiên theo hiện trạng phần hàng rào bị đơn ông B xây lấn chiếm phần đất của nguyên đơn trong diện tích 2m^2 thuộc thửa 35, có một đầu 0,05m và một đầu 0,15m chiều dài 19,90m mà người kế thừa quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn và đại diện bị đơn xác định phần nghiên là phía bị đơn xây thêm lên trên, phía bị đơn tự tháo dở di dời được nên buộc bị đơn tháo dở trong phạm vi 2m^2 tranh chấp phần nghiên thửa 35 để trả không gian cho nguyên đơn là có cơ sở.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử giao cho bị đơn ông B diện tích 2m^2 thuộc thửa 35, cho bị đơn tiếp tục sử dụng và bị đơn có nghĩa vụ trả giá trị 2m^2 tranh chấp cho những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn, lấy giá đất 1.225.000đồng/m^2 để trả giá trị cho nguyên đơn. Cụ thể tính như sau:

1.225.000đồng/m^2 x 2m^2 = 2.450.000đồng.

Công nhận cho bị đơn diện tích 2m^2 thuộc thửa 35, tọa lạc khóm X, phường Y, thành phố Z, tỉnh Vĩnh Long.

(Kèm theo trích đo bản đồ địa chính khu đất ngày 16/7/2014).

Đương sự liên hệ với cơ quan có thẩm quyền kê khai đăng ký theo quy định.

[3] Xét kháng cáo bị đơn ông B không đồng ý bồi thường thiệt hại tài sản cho người kế thừa quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn là không có căn cứ chấp nhận. Vì theo đại diện bị đơn bà B1 xác định, nhà nguyên đơn, bị đơn nằm sát nhau, nền móng nhà bà cao hơn nhà nguyên đơn, trong quá trình xây dựng nhà do thiết kế có lầu nên nền móng làm vững chắc. Nhưng việc nguyên đơn và người kế thừa quyền và nghĩa vụ nguyên đơn kiện yêu cầu bồi thường do bị đơn xây dựng làm ảnh hưởng đến nhà của nguyên đơn bị sụp lún và nứt tường là không đúng, đồng thời bị đơn cho rằng trong thời gian đang xây dựng ông không nghe nguyên đơn nói, đến khi ông vào ở mới xảy ra tranh chấp là không có cơ sở nên không đồng ý. Xét trong quá trình giải quyết vụ án cấp sơ thẩm, nguyên đơn có yêu cầu cơ quan chuyên môn tiến hành kiểm định việc xây dựng để làm cơ sở giải quyết vụ án. Theo kết luận cơ quan thẩm định việc nhà nguyên đơn sụp lún và nứt tường do ảnh hưởng một phần của tác động bên ngoài. Đối với ông B, ngoài lời trình bày ông không có chứng cứ chứng minh việc xây dựng nhà của ông B không làm ảnh hưởng đến nhà của bà A. Theo bản chiết tính thì việc xây dựng, sửa chữa căn nhà của bà A với tổng số tiền 68.398.846 đồng. Nguyên đơn yêu cầu ông B bồi thường số tiền 30.000.000đồng, án sơ thẩm chấp nhận một phần buộc ông B phải bồi thường số tiền 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng) là có căn cứ chấp nhận.

[4] Xét kháng cáo của bị đơn phần chi phí đo đạc, định giá: Do khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên ông B phải chịu toàn bộ chi phí khảo sát, đo đạc số tiền 2.499.000đồng; Về chi phí thẩm định xây dựng, do yêu cầu của bà A được chấp nhận một phần nên bà A và ông Ban mỗi người phải chịu ½ chi phí thẩm định xây dựng theo quy định tại khoản 3 Điều 138 của Bộ luật tố tụng dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2011 như cấp sơ thẩm là phù hợp.

[5] Về án phí sơ thẩm:

Miễn án phí cho những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn đối với phần yêu cầu không được chấp nhận.

Miễn án phí cho bị đơn ông B do ông B là người cao tuổi.

[6] Về chi phí đo đạc, định giá:

[6.1] Về chi phí khảo sát, đo đạc: Ông B phải nộp toàn bộ chi phí khảo sát đo đạc số tiền 2.499.000đồng (Hai triệu bốn trăm chín mươi chín ngàn đồng). Do bà A đã nộp tạm ứng số tiền này nên buộc ông B phải nộp số tiền 2.499.000đồng (Hai triệu bốn trăm chín mươi chín ngàn đồng) để hoàn trả lại cho những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Nguyễn Thị A.

[6.2]Về chi phí thẩm định xây dựng: Tổng số tiền 11.900.000đồng. Buộc bà A phải nộp 5.950.000đồng, ông B phải nộp 5.950.000đồng. Do bà A đã nộp tạm ứng trước nên buộc ông B phải nộp số tiền 5.950.000đồng (Năm triệu chín trăm năm mươi ngàn đồng) để hoàn trả lại cho những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Nguyễn Thị A.

[5] Về án phí phúc thẩm: Ông B không phải nộp án phí phúc thẩm.

[6] Xét lời người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn có Luật sư Trần Hoàng Thụy là có cơ sở chấp nhận một phần.

[7] Xét lời đề nghị của Viện kiểm sát là có cơ sở chấp nhận.

Do đó, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận một phần kháng cáo của ông B. Sửa án sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ Luật tố tụng Dân sự năm 2015;

Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn B. Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số: 18/2018/DS-ST ngày 29 tháng 3 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố Z, tỉnh Vĩnh Long.

Áp dụng Điều 166, 170, 203 của Luật đất đai năm 2013; Điều 176, Điều 584, 585, 589, 605 của Bộ luật dân sự 2015; khoản 2 Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Thị A có những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn do bà Nguyễn Thị Mỹ A5 là người đại diện hợp pháp.

Buộc ông B trả lại giá trị phần đất tranh chấp 2m^2 thuộc thửa 35, tờ bản đồ số 39 tọa lạc khóm X, phường Y, thành phố Z, tỉnh Vĩnh Long cho những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn Nguyễn Thị A với số tiền là 2.450.000đồng (Hai triệu bốn trăm năm mươi ngàn đồng).

Công nhận cho bị đơn ông B diện tích 2m^2 thuộc thửa 35,tờ bản đồ số 39 tọa lạc khóm X, phường Y, thành phố Z, tỉnh Vĩnh Long.

Đương sự liên hệ với cơ quan có thẩm quyền kê khai đăng ký theo quy định

Buộc ông B có trách nhiệm bồi thường thiệt hại tài sản cho những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn Nguyễn Thị A số tiền 15.000.000đồng (Mười lăm triệu đồng).

Buộc ông B tháo dở phần xây dựng hàng rào phía trên nghiên về phần đất nguyên đơn trong phần đất tranh chấp 2m^2 từ các mốc (7, 8, 9, 10, 7) thuộc thửa 35 có một đầu 0,05 m và một đầu 0,15 m chiều dài 19,90m , loại đất ở đô thị và đất trồng cây lâu năm để trả lại hiện trạng cho những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn Nguyễn Thị A.

(Kèm theo trích đo bản đồ địa chính khu đất ngày 16/7/2014).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về chi phí khảo sát đo đạc và chi phí thẩm định xây dựng:

- Về chi phí khảo sát, đo đạc: Ông B phải nộp toàn bộ chi phí khảo sát đo đạc số tiền 2.499.000đồng (Hai triệu bốn trăm chín mươi chín ngàn đồng). Do bà A đã nộp tạm ứng số tiền này nên buộc ông B phải nộp số tiền 2.499.000đồng (Hai triệu bốn trăm chín mươi chín ngàn đồng) để hoàn trả lại cho những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Nguyễn Thị A.

- Về chi phí thẩm định xây dựng: Tổng số tiền 11.900.000đồng. Buộc bà A phải nộp 5.950.000đồng, ông B phải nộp 5.950.000đồng. Do bà A đã nộp tạm ứng trước nên buộc ông B phải nộp số tiền 5.950.000đồng (Năm triệu chín trăm năm mươi ngàn đồng) để hoàn trả lại cho những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Nguyễn Thị A.

3. Về án phí sơ thẩm: Hoàn trả cho những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí 792.000 đồng theo biên lai thu số 022488 ngày 07/3/2014 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Z.

4. Về án phí phúc thẩm: Hoàn trả ông B 300.000đồng (Ba trăm ngàn đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0003820 ngày 13/4/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Z.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- CA: 01;
- TACC: 01;
- VKSND TVL: 02;
- TAND TPVL: 01;
- Chi Cục THADS TPVL: 01;
- Đương sự: 12;
- Lưu: 06.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Tư